**CHƯƠNG 1. ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM**

**BÀI 1. DÂN TỘC VÀ DÂN SỐ**

**Thời gian thực hiện:**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

***\*Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; tự đặt ra mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện;

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với thông tin, hình ảnh để trình bày những vấn đề đơn giản trong đời sống, khoa học...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau;

***\*Năng lực đặc thù***

+ Nhận thức khoa học địa lí:

- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.

- Trình bày được sự thay đổi về qui mô dân số và sự gia tăng dân số ở nước ta.

- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính.

+ Tìm hiểu địa lí:

- Xác định được sự phân bố chủ yếu của các dân tộc trên bản đồ; phân tích được ảnh hưởng của của các yếu tố dân tộc và dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

- Khai thác thông tin, tài liệu văn bản, Internet để tìm hiểu đặc51 điểm các đặc điểm dân53 tộc và dân số của Việt Nam.

- Sử dụng bản đồ bản đồ dân cư, dân tộc Việt Nam (hoặc Atlat Địa lí Việt Nam) để xác định xác định sự phân bố của các dân tộc ở Việt Nam.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức; tư duy về các đặc điểm dân tộc, dân cư của Việt Nam.

- Vẽ và nhận xét được biểu đồ (hoặc nhận xét bảng số liệu) về gia tăng dân số; cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: yêu gia đình, quê hương, đất nước; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên;

- Nhân ái: tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ mọi người;

- Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ dân cư, dân tộc Việt Nam.

- Một số tranh ảnh về các dân tộc ở Việt Nam.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 vở ghi, dụng cụ học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Hoạt động mở đầu**

***\* Mục tiêu***

- Tạo tâm thế học tập mới cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

***\* Tổ chức thực hiện***

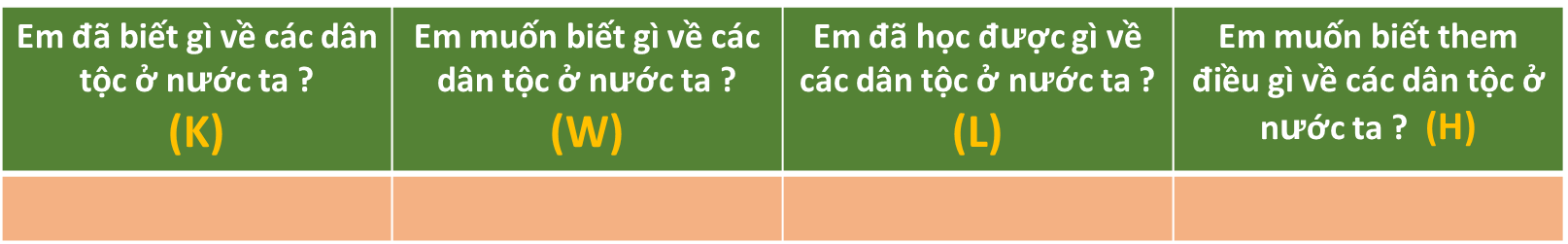
**Hoạt động cá nhân/tổ chức chơi trò chơi**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

**Trò chơi “THỬ TÀI CỦA EM”**

- GV nêu yêu cầu đối với HS: trong 2 phút, các em hãy viết ra 3 điều em đã biết và 1 điều em muốn biết về chủ đề dân tộc Việt Nam; sau đó chia sẻ với các bạn trong cả lớp.

- GV sử dụng kĩ thuật KWLH để tổ chức hoàn thành cột (K) và cột (W) về những điều đã biết và muốn biết về các dân tộc ở Việt Nam.



***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS chú ý lắng nghe, giơ tay trả lời câu hỏi nhanh

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ thực hiện nhiệm vụ của HS.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trao đổi và trả lời nhanh câu hỏi trò chơi.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về cộng đồng các dân tộc Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam**

***\* Mục tiêu***

- Biết được cộng đồng dân tộc Việt Nam gồm 54 dân tộc cùng chung sống, trong đó phần lớn là người Kinh; người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\*Khai thác thông tin mục 1,quan sát hoặc Atlat Địa lí Việt Nam, hãy:*

- Cho biết nước ta có bao nhiêu dân tộc? Kể tên một số dân tộc mà em biết.

- Cho biết các dân tộc Việt Nam có những đặc điểm nào khác nhau?

- Quan sát biểu đồ, nhận xét tỉ lệ giữa các dân tộc ở nước ta.

***Chart, pie chart

Description automatically generated***

- Kể tên một số phong tục, tập quán và sản phẩm thủ công tiêu biểu của các dân tộc ít người em biết.

- Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam, cho biết địa bàn phân bố chủ yếu của dân tộc Kinh và các dân tộc ít người ở nước ta.

***\*Bài tập nhỏ: Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam và thông tin mục 1 SGK, điền vào dấu (…) về sự phân bố các dân tộc thiểu số ở nước ta.***

|  |
| --- |
| **- Trung du và miền núi Bắc Bộ:** …………………………………………………………  **- Tây Nguyên:** ……………………………………………………………………………  **- Các đồng bằng ven biển phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long:**…………………..  ………………………………………………………………………………………………… |

- Khai thác thông tin mục 1 SGK, cho biết sự phân bố dân tộc ở Việt Nam những năm qua có sự thay đổi như thế nào? Giải thích tại sao.

- Trong những năm qua đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số có sự thay đổi như thế nào ?

- Khai thác thông tin bên và kiến thức thực tế, để thấy được cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với sự phát triển đất nước.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Hoàn thành phiếu học tập theo mẫu sau:

|  |
| --- |
| - Trung du và miền núi Bắc Bộ: **Tày, HMông, Thái, Mường, Dao,…**  - Tây Nguyên: Gia-rai, Ê-đê, Ba-na,…  - Các đồng bằng ven biển phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long: **Hoa, Khơ-me, Chăm,...** |

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **1. Dân tộc** |
| **a. Các dân tộc ở Việt Nam**  - Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống.  - Dân tộc Kinh chiếm khoảng 85% dân số.  - Các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15% dân số (2021).  - Các dân tộc luôn đoàn kết, tạo nên cộng đồng các dân tộc Việt Nam.  **b. Các dân tộc ở Việt Nam sinh sống rộng khắp trên toàn lãnh thổ**  - Người Kinh: ở đồng bằng, ven biển và trung du.  - Các dân tộc thiểu số: đồi núi và cao nguyên.  + Trung du và miền núi Bắc Bộ: Tày, HMông, Thái, Mường, Dao,…  + Tây Nguyên: Gia-rai, Ê-đê, Ba-na,…  + Các đồng bằng ven biển phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long: Hoa, Khơ-me, Chăm,...  **c. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi**  - Các dân tộc Việt Nam phân bố ngày càng đan xen với nhau.  - Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có nhiều dân tộc cùng sinh sống.  **d. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam**  - Việt Nam có hơn 5 triệu người sống, làm việc, học tập ở nước ngoài.  - Quốc gia có đông đảo người Việt sinh sống nhất là: Hoa Kỳ.  - Đây là một bộ phận quan trọng của cộng đồng dân tộc Việt Nam.  - Người Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về xây dựng quê hương, đất nước. |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về qui mô và gia tăng dân số**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được qui mô dân số và sự gia tăng dân số.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\*Khai thác thông tin mục 2.a; Bảng1.1 SGK, Atlat Địa lí Việt Nam, hãy:*

- Cho biết số dân nước ta năm 2021; xếp thứ bao nhiêu trong Đông Nam Á và thế giới?

- Tính mật độ dân số Việt Nam và so sánh với thế giới năm 2021.

***\*Bài tập nhỏ: Khai thác bảng 1.1 SGK, nhận xét:***

- Sự thay đổi qui mô dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

- Tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

- Rút ra nhận xét về sự gia tăng dân số ở nước ta.

**Bảng 1.1. SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA**

**GIAI ĐOẠN 1989 - 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1989** | **1999** | **2009** | **2021** |
| Số dân (triệu người) | 64,4 | 76,5 | 86,0 | 98,5 |
| Tỉ lệ tăng dân số (%) | 2,10 | 1,51 | 1,06 | 0,94 |

***- Giai đoạn 1989 - 2021:***

***+ Dân số tăng 34,1 triệu người; tăng liên tục.***

***+ Trung bình mỗi năm, dân số tăng thêm gần 1,07 triệu người.***

***+ Tỉ lệ tăng dân số giảm liên tục; giảm 1,16%.***

***=> Việt Nam là nước đông dân và dân số tăng nhanh.***

- Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra hậu quả gì đối với kinh tế - xã hội, môi trường?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **2. Dân số** |
| **a. Qui mô, gia tăng dân số**  - Năm 2021: dân số nước ta là 98,5 triệu người, đứng thứ 3 Đông Nam Á và 15 thế giới.  - Tỉ lệ tăng dân số giảm, nhưng mỗi năm vẫn tăng khoảng 1 triệu người.  => Việt Nam là nước đông dân và dân số tăng nhanh. |

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận nhóm**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

***\*Yêu cầu: Dựa vào thông tin SGK, Bảng 1.2, H.1 SGK và bảng sau, các nhóm hoàn thiện bài tập sau:***

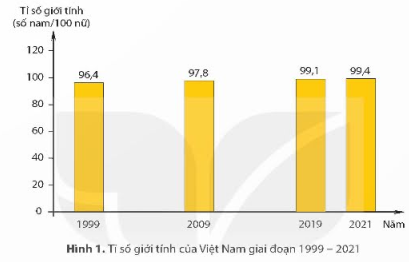
***+Nhóm 1,3:*** Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, giai đoạn 1999 - 2021.

***+Nhóm 2,4:*** Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính, giai đoạn 1999 - 2021.

**Bảng 1.2. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI**

**CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1999 - 2021 *(Đơn vị: %)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Nhóm tuổi** | **1999** | **2009** | **2019** | **2021** |
| Dưới 15 tuổi | 33,1 | 24,5 | 24,3 | 24,1 |
| Từ 15 đến 64 tuổi | 61,1 | 69,1 | 68,0 | 67,6 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 5,8 | 6,4 | 7,7 | 8,3 |

******

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **2. Dân số** |
| **b. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính**  - Cơ cấu theo nhóm tuổi:  + Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, từ 65 tuổi trở lên tăng.  + Việt Nam đang ở trong thời kì dân số vàng và có xu hướng già hoá dân số.  - Cơ cấu theo giới tính:  + Tỉ số giới tính khá cân bằng: 99,4 nam/100 nữ (2021).  + Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh: 112 bé trai/100 bé gái. |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

***\*Mục tiêu***

- Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học; hệ thống lại kiến thức vừa tìm hiểu về dân tộc và dân cư Việt Nam.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động cá nhân, cặp/bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\* GV yêu cầu HS lên bảng tổng kết nội dung bài học.*

\* Học sinh chơi trò chơi: **TRẢ LỜI NHANH**

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV thông qua trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

***\* Mục tiêu***

- HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách sưu tầm các tư liệu, hình ảnh, video clip về các vấn đề về dân tộc và dân cư ở nước ta.

***\* Tổ chức thực hiện***

**HS thực hiện ở nhà**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

1. GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu:

+ 1 dân tộc mà em biết;

+ Viết 1 bản thuyết minh về dân tộc đó.

2. Dựa vào bảng 1.1 SGK vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ dân số nước ta, giai đoạn 1989 - 2021. Nhận xét.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét về các phương án lí giải của HS đưa ra, hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu, giờ sau trả lời (báo cáo).

- HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thức, sự hiểu biết của bản thân qua một53 số trang website, đường link, sách tham khảo...liên quan đến nội dung, yêu cầu của GV.

**------------------------------------------------------**

